

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---&---



Hồ sơ mời chào giá

Tên gói thầu:

**Thi công, lắp đặt hoàn thiện hệ thống
PCCC kho 2500m²**

Công trình:

Lắp đặt hệ thống PCCC kho 2500m²

Phát hành ngày:

.....

Ban hành kèm Hồ sơ chào giá:

.....

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 10 năm 2024

Công ty Cổ phần

Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa

BẢNG DỮ LIỆU

Stt	Nội dung dữ liệu
1	Tên Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa
2	Tên gói thầu: Thi công, lắp đặt, hoàn thiện hệ thống PCCC kho 2500m ² Tên dự án: Lắp đặt hệ thống PCCC kho 2500m ²
3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu: 100% Vốn chủ sở hữu
4	Điều kiện về cấp doanh nghiệp: Không áp dụng.
5	Tổ chức khảo sát hiện trường: Chủ đầu tư không tổ chức khảo sát hiện trường, nhà thầu tham gia chào giá được phép khảo sát hiện trường dự án thực hiện gói thầu làm cơ sở cho việc chào giá gói thầu.
6	Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá là: ≥ 10 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng hồ sơ chào giá.
7	Phương pháp đánh giá Hồ sơ chào giá là: Áp dụng phương pháp giá thấp nhất.
8	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá chào giá sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
9	Địa chỉ của Chủ đầu tư: 268 Trần Nhật Duật, phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

YÊU CẦU VỀ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT CHI TIẾT GÓI THẦU

Mục 1. Tiêu chuẩn đánh giá tính pháp lý

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về tính pháp lý khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng thi công công trình dân dụng hạng III trở lên;
2. Có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dịch vụ Phòng cháy và chữa cháy do cơ quan có thẩm quyền cấp.
3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:
 - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc góp vốn trên với: Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa.
 - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc góp vốn của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:

Vai trò	Tên nhà thầu	Địa chỉ
Tư vấn lập đề cương nhiệm vụ dự toán lập Báo cáo kinh tế Kỹ thuật	Công ty TNHH Tư vấn – Xây lắp P&T;	Tổ dân phố Quang Trung, phường Quảng Tâm, tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
Thẩm tra Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng AMG Hà Nội	D22-TT18, KĐT Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn, nhà thầu thẩm tra.

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về tính pháp lý được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn đánh giá quy định dưới đây, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng “Đạt” tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá Hồ sơ chào giá của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Nhà thầu phụ là nhà thầu ký kết hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu chính phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ. Trường hợp tại thời điểm tham gia chào giá, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.

Trường hợp nhà thầu tham gia chào giá là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

BẢNG SỐ 1: BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ		Tài liệu cần nộp	
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế ⁽²⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng hồ sơ chào giá.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn chào giá
2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự⁽⁴⁾	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành ⁽⁵⁾ tối thiểu: - 1 công trình có: loại kết cấu dạng nhà, cấp: III, có giá trị tối thiểu là 500.00.000 VNĐ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Cung cấp tài liệu chứng minh

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

a) Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo bảng số 2 Yêu cầu về nhân sự chủ chốt dưới đây, Bộ phận mua sắm cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt để đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ chào giá trong 03 ngày làm việc. Đối với mỗi nhân sự không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ chào giá thì nhà thầu bị loại.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

BẢNG SỐ 02: YÊU CẦU VỀ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
1	Chỉ huy trưởng công trình	01	- Tổng số năm kinh nghiệm: $\geq$ 03 năm	Có chứng chỉ giám sát hành nghề giám sát thi công và lắp đặt thiết bị PCCC còn hiệu lực; Đã làm chỉ huy trưởng hoặc quản lý kỹ thuật tối thiểu 01 gói thầu có tính chất tương tự (Có tài liệu chứng minh hoặc cam kết cung cấp tài liệu sau khi trúng thầu)

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về kỹ thuật.

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá về giá.

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung sau:

BẢNG 03 TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT THI CÔNG

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Yêu cầu kỹ thuật của vật tư, thiết bị		
Vật tư thi công chính	- Ống HDPE Có xuất xứ rõ ràng và đảm bảo yêu cầu về chất lượng sản phẩm. - Ống tráng kẽm Có xuất xứ rõ ràng và đảm bảo yêu cầu về chất lượng sản phẩm. - Các thiết bị báo cháy, van, trụ cứu hỏa....đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có xuất xứ và chất lượng đảm bảo.	Đạt
	- Vật tư, thiết bị không ghi cụ thể chủng loại/nhãn hiệu/xuất xứ - Không đáp ứng yêu cầu về tính tương đương hoặc tốt hơn	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật:		
2.1. Tổ chức mặt bằng công trường:	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
- Mặt bằng bố trí công trường, kho bãi tập kết vật liệu & thiết bị, chất thải thi công - Bố trí rào chắn, biển báo, cổng ra vào công trường - Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông,	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt

liên lạc trong quá trình thi công.....		
2.2. Hệ thống tổ chức Sơ đồ hệ thống tổ chức của Nhà thầu tại công trường	Có sơ đồ hệ thống tổ chức thể hiện rõ tên, số điện thoại, chức danh các vị trí quản lý của nhà thầu tại công trường	Đạt
	Không có hoặc có sơ đồ hệ thống tổ chức nhưng thể hiện không rõ tên, số điện thoại, chức danh các vị trí quản lý của nhà thầu tại công trường	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
3. Biện pháp tổ chức thi công:		
Biện pháp tổ chức thi công	Có đề xuất biện pháp tổ chức thi công hợp lý, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế và tiến độ thi công	Đạt
	Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý	Không đạt
Kết luận	Biện pháp chi tiết xác định là đạt	Đạt
	Biện pháp chi tiết không đạt..	Không đạt
4. Tiến độ thi công:		
4.1. Thời gian thi công	Đề xuất thời gian thi công gói thầu ≤ 30 ngày, có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày ký kết hợp đồng	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công > 30 ngày	Không đạt
4.2. Bảng tiến độ thi công tổng thể của gói thầu	Bảng tiến độ thi công tổng thể của gói thầu đảm bảo tính logic khi triển khai thi công các hạng mục công trình, các công tác thi công chính	Đạt
	Bảng tiến độ thi công tổng thể của gói thầu không đảm bảo tính logic khi triển khai thi công các hạng mục công trình, các công tác thi công chính	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:		
5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công gói thầu.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng thiết bị, vật tư, vật liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng thiết bị, vật tư, vật liệu đầu vào hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng thiết bị, vật tư, vật liệu đầu vào hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi,	Không đạt

	không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:		
6.1. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động	Có biện pháp đảm bảo an toàn lao động hợp lý, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp đảm bảo an toàn lao động hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.2. Biện pháp phòng chống cháy nổ	Có biện pháp phòng chống cháy nổ hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng chống cháy nổ hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.3. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
7. Bảo hành:		
7.1. Thời gian đề xuất bảo hành	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc tối thiểu 12 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
7.2. Thời gian đáp ứng công tác bảo hành sau khi nhận được thông báo	Có đề xuất thực hiện ngay công tác bảo hành trong vòng ≤ 03 ngày sau khi nhận được thông báo	Đạt
	Có đề xuất thực hiện ngay công tác bảo hành trong vòng > 3 ngày sau khi nhận được thông báo	Không đạt
8 Bảo đảm thực hiện hợp đồng	Có cam kết bảo đảm thực hiện hợp đồng	Đạt
	Không có cam kết bảo đảm thực hiện hợp đồng	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

- Ngoài ra nhà thầu cam kết về chất lượng thi công, nghiệm thu công trình theo các quy chuẩn, quy phạm chi tiết tại **Mục 6** – Yêu cầu chi tiết về kỹ thuật.

Mục 4: Phạm vi cung cấp, khối lượng- yêu cầu vật tư thi công

Phạm vi chào giá, khối lượng chào giá miêu tả hàng hóa được yêu cầu cụ thể sau:

Bảng 04- Phạm vi cung cấp hàng hóa

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Miêu tả hàng hóa
	HỆ THỐNG CHỮA CHÁY			
1	Lắp đặt ống thép nhúng nóng - nối bằng p/p hàn, đoạn ống dài 6m - Đường kính 125mm	100m	2.24	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
2	Lắp đặt ống thép nhúng nóng - nối bằng p/p hàn, đoạn ống dài 6m - Đường kính 50mm	100m	1.92	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
3	Lắp đặt ống thép nhúng nóng - nối bằng p/p hàn, đoạn ống dài 6m - Đường kính 32mm	100m	1.03	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
4	Lắp đặt ống thép nhúng nóng - nối bằng p/p hàn, đoạn ống dài 6m - Đường kính 25mm	100m	6.02	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
5	Lắp đặt ống thép nhúng nóng - nối bằng p/p hàn, đoạn ống dài 6m - Đường kính 20mm	100m	1.19	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
6	Lắp đặt tê thép nối bằng p/p hàn - Đường kính 125mm	cái	2.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
7	Lắp đặt cút thép nối bằng p/p hàn - Đường kính 125mm	cái	8.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
8	Lắp đặt cút thép nối bằng p/p hàn - Đường kính 50mm	cái	36.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
9	Lắp đặt cút thu nối bằng p/p hàn - Đường kính 25/20mm	cái	108.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
10	Lắp đặt tê thép nối bằng p/p hàn - Đường kính 25mm	cái	108.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
11	Lắp đặt tê thép nối bằng p/p hàn - Đường kính 32mm	cái	108.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
12	Lắp đặt măng xông bằng p/p nối ren - Đường kính 20mm	cái	298.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
13	Quang Treo ống D100	cái	110.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
14	Quang Treo ống D50	cái	45.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
15	Quang Treo ống D25	cái	297.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
16	Ti treo ống Φ10 + bulong	m	124.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

17	Tì treo ống Φ8 + bulong	m	237.60	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
18	Kẹp dầm treo ống	cái	452.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
19	Lắp đặt giá đỡ ống	cái	50.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
20	Lắp bích thép - Đường kính 125mm	cặp bích	4.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
21	Bulong+Ê cu	cái	16.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
22	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	184.73	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
23	Đầu phun Spinkler tự động D20- k =11,2 ,68 độ C	cái	297.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
24	Lắp đặt van xả khí - Đường kính 25mm	cái	1.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
25	Lắp đặt đồng hồ đo áp lực	cái	1.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
26	Lắp đặt Van chặn DN125 kèm tín hiệu điện	cái	2.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
27	Lắp đặt công tắc dòng chảy	cái	2.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
28	Thử áp lực đường ống gang, thép - Đường kính <100mm	100m	12.49	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
29	Lắp đặt van góc D50	cái	12.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
30	Vòi chữa cháy D50, 20m, có khớp nối	cuộn	12.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
31	Lăng phun chuyên dụng D50	cái	12.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
32	Kệ đựng 3 bình chữa cháy	cái	13.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
33	Lắp đặt bình ABC FZL8	bình	39.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
34	Lắp đặt vỏ tủ đựng cuộn vòi chữa cháy trong nhà (500x600x200)-bằng thép, sơn đỏ, mặt kính có khóa	cái	12.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
35	Nội quy tiêu lệnh	bộ	6.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

				giá về kỹ thuật
36	Bộ dụng cụ phá dỡ khẩn cấp	Bộ	1.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
37	Phí vận chuyển vật tư phụ	Gói	1.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
	HỆ THỐNG BÁO CHÁY			
38	Lắp đặt trung tâm xử lý tín hiệu báo cháy 10zone	1 trung tâm	1.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
39	Lắp đặt ống nhựa máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn - Đường kính $\leq 15\text{mm}$	m	1,250.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
40	Lắp đặt dây dẫn tín hiệu báo cháy 2 ruột $\leq 1\text{mm}^2$ cho đầu báo cháy	m	1,250.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
41	Điện trở cuối kênh	cái	6.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
42	Lắp đặt thiết bị đầu báo và đầu báo cháy	10 đầu	11.90	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
43	Lắp đặt đèn báo cháy	5 đèn	1.20	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
44	Lắp đặt nút báo cháy khẩn cấp	5 nút	1.20	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
45	Lắp đặt chuông báo cháy	5 chuông	1.20	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
46	Vật tư phụ	Gói	1.00	
	HỆ THỐNG EXIT - SỰ CỐ			
47	Lắp đặt ống nhựa máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn - Đường kính $\leq 15\text{mm}$	m	755.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
48	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột $\leq 1\text{mm}^2$	m	755.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
49	Lắp đặt đèn sự cố 220V/2x2W, có ắc quy lưu điện trong 2h, loại lắp tường	5 đèn	3.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
50	Lắp đặt đèn chỉ hướng thoát nạn loại 2 mặt, bóng halogen 220V/1x2W, kèm ắc quy duy trì trong 2 giờ	5 đèn	3.40	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
51	Vật tư phụ	Gói	1.00	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1 bảng 3- tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
	CỬA LOUWER			
52	Gia công lắp dựng cửa chớp louwer	m ²	78.00	
53	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao $>3,6\text{m}$ - Chiều cao chuẩn 3,6m	100m ²	25.00	

54	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao >3,6m - Mỗi 1,2m tăng thêm	100m2	75.00	
----	--	-------	-------	--

Mục 5: Yêu cầu về chào giá:

- Nhà thầu thực hiện chào giá đáp ứng khối lượng, yêu cầu tại bảng 4 Mục 4- Phạm vi cung cấp chào giá.

Nhà thầu chào giá theo mẫu sau:

Mẫu yêu cầu chào giá

STT	Diễn giải khối lượng	Đơn vị	Xuất xứ	Khối lượng	Đơn giá		Tổng đơn giá	Thành tiền
					Vật liệu	Nhân công		
....								
....								

Mục 6: Yêu cầu chi tiết về kỹ thuật

I. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Toàn bộ các yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật được chỉ dẫn trong Hồ sơ thiết kế, Hồ sơ thiết kế điều chỉnh được cơ quan Chủ đầu tư phê duyệt bao gồm:

- Bản vẽ thiết kế PCCC đã được thẩm duyệt PCCC;
- Chỉ dẫn kỹ thuật.

Yêu cầu về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

II. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

2.1 Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công:

- Công tác đất: Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012
- Tiêu chuẩn TCVN 9361:2012: Thi công và nghiệm thu các công tác nền móng.
- Kết cấu BTCT và BTCT toàn khối: Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4453-95
- Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng: TCVN 5308- 91.
- TCVN 9115:2012: Kết cấu BT và BTCT lắp ghép - Thi công và nghiệm thu.
- QCVN 06: 2022/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3890-2023: Phòng cháy chữa cháy, Phương tiện, hệ thống Phòng cháy và Chữa cháy cho nhà và công trình cho Nhà và Công trình - Trang bị, bố trí
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3254-1989: An toàn cháy - Yêu cầu chung.
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4878:1989 (ISO3941:1997) Nhóm phân loại cháy.
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5738-2021: Phòng cháy chữa cháy- Hệ thống báo cháy - Yêu cầu kỹ thuật.
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7336 - 2021: Phòng cháy chữa cháy – hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt – yêu cầu thiết kế và lắp đặt.

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2622-1995: Phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế.

- Các quy trình quy phạm khác hiện hành ở Việt Nam;

2.2 Quy trình quy phạm áp dụng cho công tác nghiệm thu nghiệm thu:

+ QCVN 06:2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

+ Sửa đổi 1 QCVN 06:2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

+ TCVN 2622:1995: Phòng chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế;

+ TCVN 3890:2023: PCCC - Phương tiện PCCC cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí;

+ TCVN 5738:2021: Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống báo cháy tự động - Yêu cầu kỹ thuật;

+ TCVN 7336:2021: Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt - Yêu cầu thiết kế và lắp đặt;

+ TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5687: 2024 Thông gió, điều hòa không khí - Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 7435-1:2004 (ISO 11602-1): “Bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy - Phần 1 lựa chọn bố trí”;

+ TCVN 13456:2022: Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn - Yêu cầu thiết kế, lắp đặt.

+ TCVN 6379-1998: Thiết bị chữa cháy-Trụ nước chữa cháy-yêu cầu kỹ thuật

Nhà thầu phải có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy phạm thi công, nghiệm thu chi tiết như Mục 6 nêu trên.